

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 28/5/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở TAND thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tô Văn B, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư V, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Hồng N, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư V, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Anh B có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là anh Tô Văn B trình bày: Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/4/2004 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thị xã C). Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N mãi chơi, không chịu làm kinh tế xây dựng gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của chồng con. Anh đã khuyên

bảo nhiều lần nhưng chị N không thay đổi. Tháng 5 năm 2017, mâu thuẫn trở lên trầm trọng khi chị N bỏ nhà đi, không nói rõ với anh và gia đình. Kể từ đó, chị N không liên lạc gì với anh. Đến Tết nguyên đán vừa qua, khi anh bị tai nạn giao thông phải điều trị ở bệnh viện, chị N có đến thăm nhưng anh đã không còn tình cảm nên không thể hàn gắn. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Tô Hoài N, sinh ngày 17-10-2005. Hiện cháu N đang ở cùng anh B. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh B xin nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: anh chị không có nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị Nhung. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Lê Hồng N. Tuy nhiên chị N không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Ông Lê Thái Ng là bố đẻ của chị N trình bày: Anh B và chị N chung sống tại gia đình anh B nên ông không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Cuối tháng 5 năm 2017 giữa anh chị có xảy ra cãi nhau. Sau đó chị N mở cửa hàng buôn bán tại thị trấn S nhưng không về chung sống với anh B vì anh B thay mã số cửa nhà. Khi việc buôn bán thua lỗ thì chị N bỏ đi, không còn ở cửa hàng hay về nhà anh B nữa. Đến khoảng cuối tháng 1 năm 2018, khi biết anh B bị tai nạn thì ông có động viên chị N về và ở lại để chăm sóc anh B nên chị N có đến thăm anh B. Nhưng tại bệnh viện, anh B và gia đình anh ấy có xúc phạm chị N nên chị N đã đi Hà Nội luôn. Từ đó ông không biết chị N đi đâu nữa.

Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của anh B trình bày: Sau khi kết hôn, anh B và chị N chung sống tại gia đình bà. Tuy nhiên đến cuối năm 2016, chị N bắt đầu thay đổi trong cách sinh hoạt và cuộc sống hàng ngày, không quan tâm đến gia đình. Đến tháng 5 năm 2017, chị N bỏ khỏi nhà bà, không chung sống với anh B nữa. Kể từ đó, anh chị sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Đến dịp Tết nguyên đán vừa qua, chị N có vào bệnh viện thăm anh B khi anh B bị tai nạn xe máy nhưng hai bên không nói chuyện gì và sau đó chị N cũng bỏ về luôn. Về con chung: anh chị có 1 con chung là Tô Hoài N. Hiện cháu đang ở với anh B và bà sẽ hỗ trợ anh B trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị N đến tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm ngày 09-5-2018 nhưng chị N không có mặt. Toà án đã

quyết định hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa và niêm yết văn bản này theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nhung và giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tô Văn B được ly hôn chị Lê Hồng N.

Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Tô Hoài N, sinh ngày 17-10-2005 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Tô Văn B khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị Lê Hồng N có địa chỉ cư trú tại phường C, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh B và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 07-4-2004 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thị xã C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp

pháp. Sau một thời gian chung sống, anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do chị N mãi chơi, không chịu làm kinh tế, không quan tâm đến cuộc sống của gia đình. Anh B có góp ý nhưng chị N không thay đổi. Tình trạng trên kéo dài khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Tháng 5-2017, chị N bỏ đi, không chung sống với anh B mà không rõ lý do. Kể từ đó, chị N không liên lạc gì với anh B và gia đình. Dịp Tết nguyên đán năm 2018, chị N có đến bệnh viện thăm anh B nhưng do hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên không thể nói chuyện và có biện pháp gì hòa giải. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh B và chị N vẫn sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Tô Hoài N, sinh ngày 17-10-2005. Hiện nay con chung đang ở cùng anh B. Khi ly hôn anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì anh đang làm kinh doanh vận tải với mức thu nhập ổn định trung bình là 10.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai của mình, cháu N cũng có nguyện vọng ở với anh B vì từ khi anh chị không chung sống cùng nhau, cháu N luôn ở với anh B. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh, phù hợp nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Tô Văn B được ly hôn chị Lê Hồng N.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Tô Hoài N, sinh ngày 17-10-2005 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Tô Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000036 ngày 17/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh B đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- UBND P. C, thị xã C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà